

Số: 67/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 01 năm 2025

Năm 2025, bối cảnh tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường, khó khăn thách thức nhiều hơn thuận lợi, thời cơ. Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo còn nhiều khó khăn (Kinh tế toàn cầu năm 2025: OECD và IMF dự báo tăng khoảng 3,2%); các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của Bắc Ninh tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức,...

Kinh tế trong nước, với các yêu cầu và thách thức lớn đặt ra phải phấn đấu đạt kết quả cao, nhất là Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và tạo dựng, hoàn thiện các nền tảng thể chế, hạ tầng mới cho phát triển theo các xu hướng toàn cầu, tạo đà cho giai đoạn 2026-2030. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, bão lũ, hạn hán, già hóa dân số, cạn kiệt tài nguyên,... tiếp tục là các vấn đề cần quan tâm.

Trong tỉnh, năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Kết quả thực hiện của năm 2024 sẽ là động lực cũng như tác động rõ nét đến tăng trưởng kinh tế trong năm 2025. Các động lực tăng trưởng tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ; các vấn đề tồn đọng liên quan đến tăng trưởng được tỉnh đề ra các giải pháp hiệu quả và thực chất nhằm tạo ra các cơ hội phát triển cho tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với các mục tiêu: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 8%, phấn đấu tăng 10% so với năm 2024; Thu nhập bình quân đầu người (theo giá HH) đạt 76 triệu đồng; Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 77,3 tỷ USD, trong đó xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn đạt 41,7 tỷ USD; Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt 71 nghìn tỷ đồng; Thu hút FDI 1,2 tỷ USD; Tổng thu ngân sách trên địa bàn 38,7 nghìn tỷ đồng; Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 115 nghìn tỷ đồng;... Đồng thời, triển khai các hành động cụ thể nhằm chỉ đạo, điều hành thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Diễn biến tình hình kinh tế - xã hội tháng 01/2025 của tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong tháng, bà con nông dân thu hoạch một số cây rau màu vụ đông để giải phóng đất trồng cây vụ xuân, cùng với đó tập trung làm đất, gieo mạ xuân

và chăm sóc cây rau màu; các cơ quan chức năng tăng cường giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm nhằm phát hiện sớm, xử lý dứt điểm các ổ dịch ngay từ khi mới phát sinh nhằm đảm bảo nguồn cung thực phẩm cho tiêu dùng trước, trong và sau Tết Nguyên đán; nuôi trồng thủy sản cơ bản giữ ổn định diện tích ao đất, tăng số lượng về lồng bè trên sông, sản lượng thủy sản tiếp tục tăng. Lâm nghiệp, do thời tiết hanh khô, các ngành chức năng tập trung công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy diện tích rừng hiện có.

1.1. Nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Tháng 01, thời tiết âm u, cây trồng phải đối mặt với điều kiện bất lợi như thiếu ánh sáng, những yếu tố này không chỉ làm suy yếu các hoạt động sinh trưởng của cây trồng mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các loại bệnh trên cây trồng. Vì vậy, nông dân cần có những biện pháp kịp thời ngăn chặn và chủ động phòng trừ, hạn chế thấp nhất thiệt hại với các loại cây trồng. Tại thời điểm này, nông dân trên địa bàn tỉnh đang tập trung ra đồng làm đất gieo mạ đối với các diện tích lúa xuân năm 2025; đồng thời tích cực chăm sóc rau màu vụ xuân để phục vụ nhu cầu người dân trong dịp Tết Nguyên đán. Đề phòng thời tiết cực đoan rét đậm, rét hại có thể xảy ra, nông dân trên địa bàn tỉnh đã chủ động bảo vệ cây trồng với các biện pháp cơ bản như: Che phủ nilon và tăng cường các biện pháp chăm sóc, tưới nước, bón phân hữu cơ hoại mục, phân NPK để cây ra thêm rễ mới, sinh trưởng phát triển khỏe mạnh, tăng sức chống chịu với điều kiện thời tiết.

Tiến độ vụ xuân: Cây lúa, tính đến hết ngày 21/01, 100% diện tích gieo cấy lúa xuân đã được cày ải, trong đó 8.437 ha đã có nước phục vụ gieo cấy, bằng 63,8% cùng kỳ năm trước (*viết tắt là: CK*), làm đất được 3.086,7 ha, bằng 61,2% CK; cung ứng được 389,3 tấn giống lúa các loại; gieo mạ xuân được 405,6 ha. Cũng tính đến thời điểm 21/01, toàn tỉnh đã gieo cấy được 66,5 ha đạt 0,2% kế hoạch và tăng hơn 6 lần so với CK. Nguyên nhân diện tích gieo cấy lúa xuân tăng mạnh so với CK là do thời tiết năm nay khá thuận lợi, nắng ấm nhiều nên kế hoạch gieo cấy lúa xuân đẩy sớm hơn so với kế hoạch năm trước. Cây rau màu, gieo trồng được 591,5 ha, đạt 18,2% so với kế hoạch và bằng 86,3 % so với CK. Trong đó: Diện tích khoai tây xuân trồng được 249,5 ha, đạt 99,8% kế hoạch và bằng 89,2% so với CK. Diện tích cây rau các loại trồng đạt 342 ha, bằng 141% kế hoạch và bằng 96,3% so với CK. Các cây rau màu đã trồng đang sinh trưởng, phát triển khá tốt.

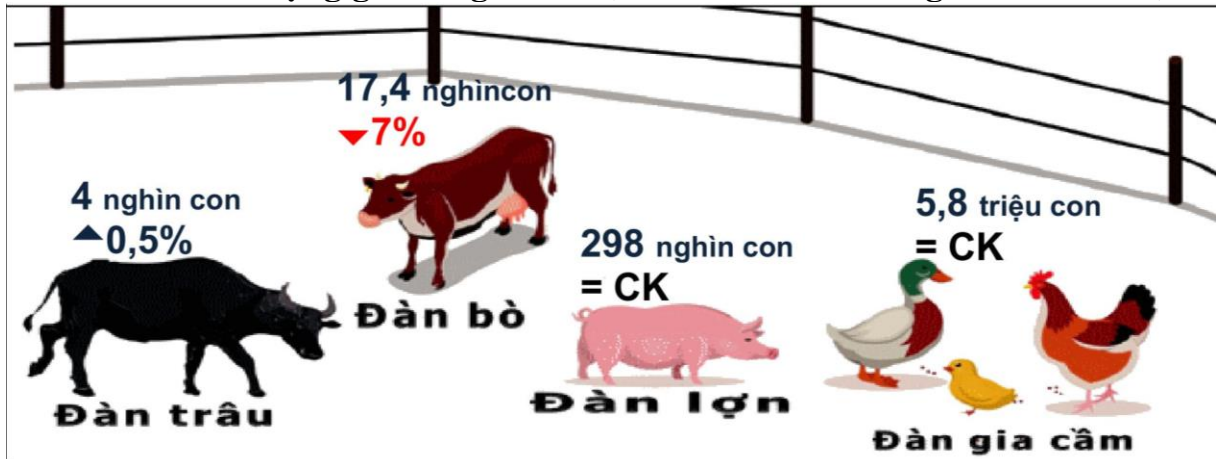
Công tác bảo vệ thực vật¹: Cơ quan chức năng duy trì công tác kiểm tra đồng ruộng, đánh giá tình hình sinh vật gây hại trên lúa và rau màu các loại. Tổng hợp diện tích nhiễm sinh vật gây hại trên rau màu là 374 ha. Diện tích phòng trừ là 973 ha.

1.1.2. Hoạt động chăn nuôi

Trong tháng, thời tiết trong ngày có sự chênh lệch khá nhiều có thể làm tăng nguy cơ bệnh tật, ngành chức năng đã khuyến cáo các cơ sở chăn nuôi áp dụng các biện pháp phòng bệnh như: Khử trùng chuồng trại, tiêm vắc xin và bổ sung vitamin định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm. Các cơ sở chăn nuôi duy trì ổn định về số lượng đầu con, tuy vậy hiện nay các cơ sở chăn nuôi vẫn chịu nhiều chi phí như phòng chống dịch bệnh, nhân công, giá thức ăn cao,... lợi nhuận của các cơ sở chăn nuôi còn thấp. Vì là tháng trùng vào dịp Tết Nguyên đán, nên nhu cầu tiêu dùng thịt gia súc, gia cầm cho Tết và cưới hỏi, tân gia, mừng thọ, lễ hội,... của người dân tăng lên. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường, các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đã chủ động tăng đàn, nhất là gia cầm để chuẩn bị cho dịp Tết.

Ước tính đến thời điểm cuối tháng 01, so với cùng thời điểm năm trước các chỉ số về đầu con cơ bản ổn định, cụ thể: Đàn trâu tăng nhẹ; đàn lợn và đàn gia cầm tương đương so với cùng thời điểm năm trước; riêng đàn bò giảm khá (xem hình 01).

Hình 01: Số lượng gia súc gia cầm (thời điểm cuối tháng 01 so với CK)



Tháng 01, sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ước đạt 4.713 tấn, tăng nhẹ 2,2% so với CK.

1.2. Thủy sản

Trong tháng, thời tiết không thuận lợi cho sinh trưởng và phát triển của các đối tượng cá nuôi do thời tiết đang trong giai đoạn chuyển mùa đầu tháng lạnh khô về cuối tháng dự kiến mưa nồm ẩm, đây là điều kiện cho các vi khuẩn, ký sinh trùng,...phát triển gây hại cho đàn cá nuôi. Tuy vậy, tình hình dịch bệnh ở

các hộ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát, không phát sinh ổ dịch lớn. Theo báo cáo của ngành Nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong ao đất trên địa bàn tỉnh có 72 vùng nuôi trồng thủy sản (*viết tắt là: NTTS*) tập trung với diện tích 1.305,9 ha (mỗi vùng có diện tích từ 10 ha trở lên), chiếm 22% diện tích mặt nước NTTS. Diện tích NTTS tập trung ở các địa phương như huyện Lương Tài, huyện Gia Bình, thị xã Quế Võ,...Đối với nuôi cá lồng trên sông có 157 hộ nuôi cá lồng ở 29 thôn, thuộc 21 xã của 6/8 huyện. Năng suất trung bình cho 01 lồng 108m³ (6m x 3m x 6m) hiện nay đạt 4,5-5 tấn/lồng/lứa nuôi.

Tính đến giữa tháng 01, diện tích nuôi trồng toàn tỉnh ước đạt 4.623,4 ha, bằng 96,6% so với CK. Số lượng lồng nuôi trên sông ước đạt 2.731 lồng, tăng 3,9% (tăng 102 lồng). *Tháng 01*, tổng sản lượng thủy sản thu hoạch ước đạt 4.823 tấn, đạt 11,6% kế hoạch năm 2025, tăng 2,1% so với CK. Trong đó: Sản lượng nuôi trồng ước đạt 4.713 tấn, tăng 2,2% so với CK. Cá nuôi trồng ước đạt 4.665,5 tấn (trong đó: Cá nuôi lồng ước đạt 580 tấn), tôm ước đạt 21,5 tấn, bằng 97,73% so với cùng kỳ (tôm thu được chủ yếu là tôm thu vét khi thu hoạch cá trong các ao đất), thủy sản khác ước đạt 26 tấn, bằng 96,3% so với CK.

1.3. Tình hình phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản¹

- Tình hình dịch bệnh: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không xảy ra dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn vật nuôi và đàn thủy sản.

- Công tác phòng, chống dịch:

+ Biện pháp phòng dịch: (1) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi và đàn thủy sản để có biện pháp chỉ đạo và xử lý kịp thời. Đồng thời, hướng dẫn người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thực hiện các biện pháp phòng dịch, chủ động khai báo với chính quyền địa phương và cơ quan Thú y khi có gia súc, gia cầm, thủy sản có biểu hiện mắc bệnh, nghi mắc bệnh, chết không rõ nguyên nhân. Khuyến cáo người chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; (2) Tổ chức tiêm phòng bổ sung cho đàn gia súc, gia cầm được 1.909 liều vắc xin cho đàn trâu, bò; 40.359 liều vắc xin các loại cho đàn lợn; 365.118 liều vắc xin các loại cho đàn gia cầm; 20 liều vắc xin Đại cho đàn chó, mèo; (3) Công tác vệ sinh, khử trùng, tiêu độc môi trường: Toàn tỉnh sử dụng 234 lít hóa chất và 2,6 tấn vôi bột để khử trùng, tiêu độc chuồng trại chăn nuôi, cơ sở ấp nở, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, nơi công cộng, đường làng, ngõ xóm, khu phố, nơi có ổ dịch và nơi có nguy cơ lây nhiễm cao...;

+ Tăng cường công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

¹ Nguồn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1.4. Lâm nghiệp

Trong tháng, ngành chức năng đôn đốc các cơ sở quản lý rừng tiến hành dọn, xử lý thực bì, tập trung thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng, công tác chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng đã trồng và chuẩn bị ươm, chiết cây giống phục vụ cho Tết trồng cây đầu xuân năm 2025.

Một số kết quả hoạt động lâm nghiệp chủ yếu:

- Trồng và chăm sóc rừng: Với tổng diện tích rừng hiện có là 556,65 ha và để thực hiện kế hoạch sản xuất lâm nghiệp năm 2025, ngành lâm nghiệp của tỉnh đã xây dựng kế hoạch với mục tiêu trồng mới 323 nghìn cây phân tán.

- Khai thác gỗ và lâm sản: *Trong tháng*, toàn tỉnh khai thác 275 m³ gỗ, bằng 98,18% so với cùng kỳ.

- Công tác bảo vệ rừng: Đảm bảo lực lượng trực 24/24 giờ vào các đợt hanh khô, các ngày lễ, hội. Tuy nhiên, ngày 09/01/2025 trên địa bàn thôn Vĩnh Phú, xã Phật Tích, huyện Tiên Du đã xảy ra 01 vụ cháy rừng trên diện tích 0,7 ha rừng trồng phòng hộ.

2. Sản xuất công nghiệp

Mặc dù sản xuất công nghiệp trong tháng 01/2025 tiếp tục ghi nhận sự suy giảm so với tháng trước, nhưng so với tháng CK lại có mức tăng khá cao. Kết quả này theo quy luật những tháng trùng với dịp Tết Nguyên đán sẽ bị ảnh hưởng do thời gian nghỉ dài ngày của người lao động. Tuy nhiên, tỉnh cũng cần bám sát tình hình sản xuất công nghiệp ngay các tháng đầu năm, kịp thời đưa ra các giải pháp chỉ đạo điều hành của chính quyền nhằm tháo gỡ được vướng mắc và thúc đẩy phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh trong năm 2025.

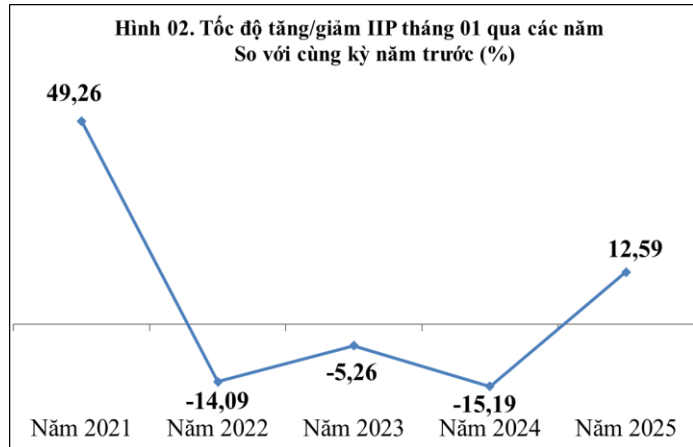
2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Tháng 01, chỉ số IIP giảm khá nhiều so với tháng trước (do năm nay tháng 01 trùng vào dịp nghỉ Tết Nguyên đán Ất Ty), song lại tăng khá cao so với CK. Cụ thể, phân tích diễn biến chỉ số IIP toàn ngành và chi tiết ở các ngành công nghiệp cấp 1, cấp 2 so với các gốc so sánh cụ thể như sau:

- *So với tháng trước*, chỉ số IIP toàn ngành công nghiệp giảm 15,51%, trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 15,6%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 5,71% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,83%. Xét theo ngành công nghiệp cấp 2, có đến 20/24 ngành có chỉ số sản xuất giảm, giảm nhiều có các ngành: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (-37,25%); Sản xuất kim loại (-13,03%) và đặc biệt có ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh Ngành 26 (-17,03%). Ở chiều ngược lại, chỉ có 04 ngành cấp 2 có chỉ số tăng, cụ thể là: Sản xuất trang phục (+3,3%); In, sao chép

bản ghi các loại (+0,47%); Sản xuất thiết bị điện (+3,2%) và Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu (+0,13%).

- So với cùng tháng năm trước: chỉ số IIP toàn ngành công nghiệp tăng khá cao 12,59%, trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tăng 12,61%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí, tăng 0,9% và ngành cung cấp



nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng cao nhất 28,17%. Xét theo ngành công nghiệp cấp 2, có đến 17 ngành có chỉ số tăng, một số ngành có chỉ số tăng cao như: Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (+37,55%); Sản xuất thiết bị điện (+30,49%); Sản xuất kim loại (+22,27%) và Ngành 26 (+13,28%). Ở chiều ngược lại, có 07 ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất giảm, các ngành có mức giảm nhiều như: In, sao chép bản ghi các loại (-45,12%); Chế biến gỗ và SXSP từ gỗ, tre, nứa (-25,89%); Sản xuất đồ uống (-18,4%).

Biểu 01. Tốc độ tăng/giảm IIP tháng 01 qua các năm so với CK của một số ngành công nghiệp trọng điểm

ĐVT: %

	2021	2022	2023	2024	2025
SXSP điện tử, máy vi tính và SP quang học	44,85	-0,53	-2,14	-16,60	13,28
Sản xuất trang phục	9,53	59,31	-33,73	18,11	4,25
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	38,84	3,83	-19,66	26,02	-2,56
Sản xuất kim loại	32,63	-6,64	-4,46	96,78	22,27
Sản xuất thiết bị điện	25,14	21,24	32,17	0,76	30,49
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	39,11	-6,22	-38,09	86,86	25,62

2.2. Sản phẩm công nghiệp

Tháng 01, tuy sản xuất công nghiệp trong tháng giảm so với tháng trước nhưng vẫn có nhiều sản phẩm công nghiệp có mức sản xuất tăng so với tháng trước cũng như tháng CK, cụ thể:

- So với tháng trước, có 09/23 sản phẩm chủ yếu có mức tăng, trong đó có 03 sản phẩm trọng điểm của tỉnh là: Điện thoại thông minh (+22,4%); Đồng hồ thông minh (+30,1%) và Pin điện thoại các loại (+8,7%). Ở chiều ngược lại, có 14 sản phẩm chủ yếu có mức giảm, trong đó có 03 sản phẩm trọng điểm của tỉnh là: Máy in (-14,3%); Điện thoại di động thường (-83,7%) và Linh kiện điện tử (-50,8%).

- So với cùng tháng năm trước, có 15 sản phẩm chủ yếu của tỉnh có mức tăng, trong đó có tới 04/06 sản phẩm chủ lực của tỉnh là: Máy in (+3%); Điện thoại thông minh (+14,5%); Linh kiện điện tử (+0,1%) và Pin điện thoại các loại (+37%). Ở chiều ngược lại, có 08 sản phẩm có mức giảm, trong đó có 02 sản phẩm chủ lực của tỉnh là: Điện thoại di động thường (-88,9%) và Đồng hồ thông minh (-30,3%).

Biểu 02. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong tháng 01

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 01 năm 2025	Tháng 01/2025 so với tháng 12/2024 (%)	Tháng 01/2025 so với tháng 01/2024 (%)
1. Máy in-copy	1000 cái	652	86,7	103,0
2. Điện thoại di động thường	1000 cái	1.000	16,3	11,1
3. Điện thoại thông minh	1000 cái	5.297	122,4	114,5
4. Đồng hồ thông minh	1000 cái	1.503	130,1	69,7
5. Linh kiện điện tử	Tỷ đồng	22.540	49,2	100,1
6. Pin điện thoại các loại	1000 viên	10.708	108,7	137,0

2.3. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Tại thời điểm 01/01/2025, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp giảm ở cả 2 góc so sánh cùng thời điểm tháng trước và CK năm trước lần lượt là (-0,6%), (-7,72%). Cụ thể xét theo loại hình doanh nghiệp và theo ngành công nghiệp cấp 1 như sau:

- Xét theo loại hình doanh nghiệp: Lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp Nhà nước, tăng ở cả 2 góc so sánh cùng thời điểm tháng trước và cùng thời điểm tháng CK lần lượt là (+0,07%), (+1,66%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước (-0,08%), (+4,63%); riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm ở cả 2 góc so sánh (-0,71%), (-9,82%).

- Xét theo ngành công nghiệp cấp 1: Lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm ở cả 2 góc so sánh cùng thời điểm tháng trước và cùng thời điểm tháng CK lần lượt là (-0,62%), (-7,9%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí, tương đương với tháng trước, và giảm (-0,32%) so CK; tương tự ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải, giữ nguyên so với tháng trước và tăng (+3,71%) so CK.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp²

Tháng 01, mặc dù số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm ở cả 2 góc so sánh, tháng trước và cùng tháng năm trước, tuy nhiên tổng vốn đăng ký mới

² Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

lại tăng mạnh. Đáng chú ý số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng đột biến so với tháng trước đồng thời cũng tăng cao so với tháng CK.

Hình 03. Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 01 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Trong tháng, số doanh nghiệp thành lập mới là 256 doanh nghiệp, giảm ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-9,2%), (-17,2%); tuy nhiên, tổng vốn đăng ký mới được 10.400 tỷ đồng, tăng nhiều ở cả 2 góc so sánh lần lượt là (+278,9%), (+295,3%); tương ứng vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp thành lập mới đạt 40,6 tỷ đồng, tăng nhiều ở cả 2 góc so sánh lần lượt là (+317,4%), (+377,1%). Có 209 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (+254,2%), (-2,8%). Cũng trong tháng 01, có 1.048 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh (+1.026,9%), (+36,5%) và có 91 doanh nghiệp giải thể tự nguyện (+89,6%), (+51,7%).

Biểu 03. Doanh nghiệp tham gia và rút lui khỏi thị trường tháng 01 năm 2025 phân theo loại hình doanh nghiệp

	Tham gia		Rút lui	
	Doanh nghiệp	So với cùng kỳ (%)	Doanh nghiệp	So với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	465	88,7	1.139	137,6
Công ty TNHH 1 thành viên	413	104,6	728	135,6
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	64	80,0	260	150,3
Công ty Cổ phần	48	100,0	135	127,4
Doanh nghiệp Tư nhân	3	300,0	16	133,3
Công ty Hợp danh	-	-	-	-

Lũy kế đến 18/01, trên địa bàn toàn tỉnh có 25.012 doanh nghiệp đã đăng ký, tăng 11,3% so với cùng thời điểm năm trước, với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 433.141 tỷ đồng, tăng 9,2% và 6.557 đơn vị trực thuộc, tăng 14,8%.

4. Đầu tư

Tháng 01, tình hình triển khai vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý có triển vọng lạc quan khi chỉ số tăng tích cực, tăng 41,1%

so với CK, trong đó nổi bật là vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh, tăng 87,7%; cấp huyện, tăng 37%. Tuy nhiên, vốn ngân sách cấp xã lại giảm nhiều 40,8%. Như vậy, tỉnh cần xem xét rà soát các nội dung đầu tư công của cấp xã nhằm thúc đẩy ngay từ đầu năm. Thu hút vốn đầu tư đã có bước khởi sắc ngay từ ngày đầu tiên của năm mới 2025, tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức trao chứng nhận đầu tư cho 18 nhà đầu tư trong nước và nước ngoài với tổng vốn đăng ký 1,8 tỷ USD tăng mạnh về vốn đăng ký đầu tư.

4.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý (viết tắt là: VĐT)

Tháng 01, ước tính VĐT đạt 481 tỷ đồng, giảm khá nhiều 26,3% so với tháng trước nhưng tăng khá cao 41,1% so với cùng tháng năm trước. Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 308 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-31,9%), (+87,7%); vốn ngân sách cấp huyện đạt 120 tỷ đồng (-3%), (+37%); vốn ngân sách cấp xã đạt 53 tỷ đồng giảm ở cả 2 gốc so sánh (-31,2%), (-40,8%). Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của ngân sách địa phương đạt 5,76% kế hoạch vốn năm 2025.

Tình hình cụ thể, phân theo cấp quản lý:

+ Vốn NSNN cấp tỉnh, ước thực hiện đạt 308 tỷ đồng, bằng 8,64% kế hoạch năm 2025, giảm 26,3% so với tháng trước nhưng lại tăng cao 41,1% so với cùng tháng năm trước, trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh đạt 133 tỷ đồng, bằng 4,68% kế hoạch so với các gốc so sánh tháng trước và tháng cùng kỳ năm trước lần lượt là (-46%), (+117,3%); vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 175 tỷ đồng, đạt 25,38% kế hoạch, (-11,5%), (+70%). Các công trình trọng điểm của nguồn vốn ngân sách tỉnh như: Đầu tư các tuyến đường tỉnh ĐT.295C, ĐT.285B kết nối thành phố Bắc Ninh qua các khu công nghiệp với QL.3 mới; Dự án mở rộng Trung tâm y tế huyện Yên Phong; Dự án đầu tư mở rộng Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh; ĐTXD cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương;...

+ Vốn NSNN cấp huyện, ước thực hiện đạt 120 tỷ đồng, bằng 5,21% kế hoạch năm, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-3%), (+37%), trong đó: Vốn cân đối ngân sách huyện đạt 97 tỷ đồng, bằng 4,95% kế hoạch, (+34,1%), (+21,8%); vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 23 tỷ đồng, bằng 6,61% kế hoạch, giảm mạnh (-54,8%) so tháng trước nhưng tăng mạnh (+184,6%) so CK. Các công trình trọng điểm của vốn ngân sách cấp huyện như: Đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Nam Sơn; Đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Đáp Cầu; Sân vận động huyện Tiên Du;...

+ Vốn NSNN cấp xã, ước thực hiện đạt 53 tỷ đồng, bằng 2,12% kế hoạch năm, (-31,2%), (-40,8%), trong đó: Vốn cân đối ngân sách xã đạt 45 tỷ đồng, bằng 1,88% kế hoạch, (-35,7%), (-47%); vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu đạt 8 tỷ đồng, bằng 8,7% kế hoạch, (+16,1%), (+82,8%). Các công trình trọng điểm của vốn ngân sách cấp xã như: Đầu tư xây dựng cầu xóm giữa khu Kim Đồi, phường Kim Chân; Trang trí đường hoa và các điểm hoa chào đón Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025;...

4.2. Hoạt động thu hút đầu tư trong nước và trực tiếp nước ngoài³

4.2.1. Thu hút đầu tư trong nước

Tháng 01, toàn tỉnh đã cấp mới đăng ký đầu tư cho 10 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 3.175 tỷ VNĐ; cấp đăng ký đầu tư điều chỉnh cho 19 dự án đầu tư, trong đó có 8 dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn điều chỉnh tăng 196,5 tỷ đồng (06 dự án điều chỉnh tăng vốn với số vốn đầu tư tăng 499,6 tỷ đồng; 02 dự án điều chỉnh giảm vốn với số vốn đầu tư giảm 303 tỷ đồng); thực hiện chấm dứt hoạt động của 01 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư là 46,5 tỷ đồng.

Lũy kế đến nay: Tỉnh Bắc Ninh đã cấp 1.615 dự án đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư sau điều chỉnh đạt 281.948,3 tỷ đồng.

4.2.2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Năm 2024, Bắc Ninh là địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài với hơn 5 tỷ USD, nối tiếp đà phát triển đó, năm 2025 tỉnh Bắc Ninh tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư vào phát triển lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, tạo ra “thung lũng silicon”, thu hút các trung tâm nghiên cứu và sản xuất, ứng dụng công nghệ AI cũng như công nghệ bán dẫn.

Biểu 04. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép

	Từ 21/12/2024 đến 20/01/2025 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	1.418,7	573,1
Vốn đăng ký mới	192,8	124,8
Vốn điều chỉnh	1.224,1	1.247,3
Góp vốn, mua cổ phần	3,9	273,4
Thu hồi	2,1	32,3

Tháng 01, toàn tỉnh đã thu hút về được 34 dự án FDI đăng ký cấp mới (giảm 9 dự án, tức giảm 20,9% so CK, trong đó các nhà đầu tư chủ yếu đến từ Trung Quốc 20 dự án; Singapo 7 dự án); Vốn đăng ký mới đạt 192,8 triệu USD (tăng

³ Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư

38,35 triệu USD, tức tăng 24,8%, trong đó có 03 dự án lớn đó là: 02 dự án của Singapo đầu tư vào ngành vận tải kho bãi với số vốn đầu tư là 120,522 triệu USD và 01 dự án của Trung Quốc đầu tư vào ngành sản xuất kính bảo vệ cho màn hình hiển thị của ô tô với số vốn đầu tư là 12,3 triệu USD); Ngoài ra, điều chỉnh vốn cho 21 dự án (tăng 3 dự án, tức tăng 16,7%), với số vốn điều chỉnh tăng là 1.224 triệu USD (tăng 1.125,93 triệu USD, tức tăng 1.147,3%, trong đó tiêu biểu là Dự án mở rộng sản xuất kinh doanh thuộc ngành sản xuất màn hình và các linh kiện điện tử với tổng vốn đầu tư đăng ký dự án 1,2 tỷ USD của Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam tại Khu công nghiệp Yên Phong do Công ty đầu tư phát triển hạ tầng Viglacera); Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp 5 lượt (giảm 1 lượt, tức giảm 16,7%) với giá trị là 3,91 triệu USD (tăng 2,48 triệu USD, tức tăng 173,4%); thu hồi 4 dự án (giảm 6 dự án, tức giảm 60%) với tổng vốn đầu tư là 2,1 triệu USD (giảm 4,4 triệu USD, tức giảm 67,7%).

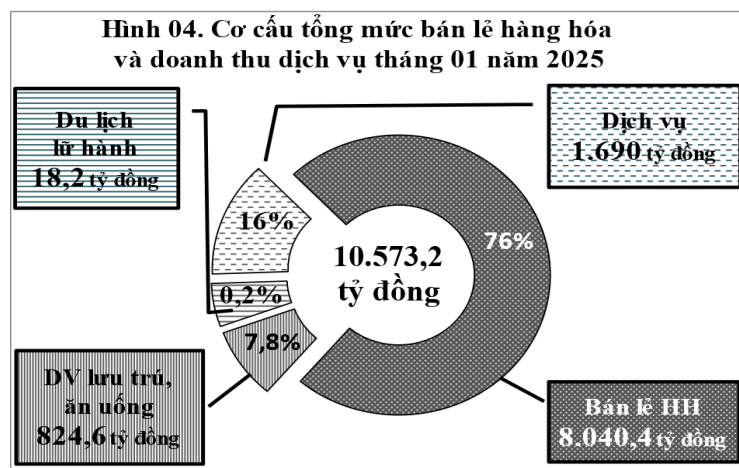
Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 2.451 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư được cấp phép đạt 31.268,5 triệu USD.

5. Thương mại - dịch vụ; chỉ số giá tiêu dùng; xuất nhập khẩu

Tháng 01 là tháng trùng với dịp Tết Nguyên đán nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao, theo đó Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 01 tăng tới 32% so với CK. Tuy nhiên, trong Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ngành du lịch lữ hành lại giảm 4,3%, cùng với đó ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng nhẹ 4,6%. Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của tháng 12/2024 cùng xu hướng với sản xuất công nghiệp tăng khá cao so với CK.

5.1. Lưu chuyển hàng hoá, dịch vụ

Tháng 01, trùng với Tết Nguyên đán nên nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của người dân tăng cao, hoạt động thương mại dịch vụ diễn ra sôi động. Về hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh được cung ứng dồi dào và duy trì ổn định, nhiều chương trình xúc tiến thương



mại được tổ chức đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng ước đạt 10.573,2 tỷ đồng, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+8,1%), (+32,1%). Cụ thể, xét theo ngành hoạt động:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.040,4 tỷ đồng, so với các gốc so sánh như sau:

+ So với tháng trước, tăng 10,1%, trong đó cả 11 nhóm hàng hóa đều có chỉ số tăng, một số nhóm hàng tăng cao như: Lương thực, thực phẩm (+15,5%); Nhiên liệu khác (+7,8%); Vật phẩm văn hóa, giáo dục (+7,2%).

+ So với cùng tháng năm trước, tăng 29,7% với 100% nhóm hàng hóa có chỉ số tăng, một số nhóm hàng tăng cao như: Lương thực, thực phẩm (+38,7%); Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng) (+32,6%); Đá quý, kim loại quý (+32,3%); Gỗ và vật liệu xây dựng (29,2%).

- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 824,6 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh (+4,7%), (+4,6%).

- Doanh thu dịch vụ du lịch và lữ hành ước đạt 18,2 tỷ đồng, tăng cao 30,9% so với tháng trước nhưng giảm nhẹ 4,3% so với cùng tháng năm trước.

- Doanh thu các ngành dịch vụ ước đạt 1.690 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh (+0,7%),(+53,8%).

5.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Tháng 01, mặc dù là tháng trùng với Tết Nguyên đán tuy nhiên giá cả cơ bản ổn định, tăng không đáng kể so với tháng trước, so với CK chỉ tăng 2,81%, thấp hơn mức tăng của tháng 01/2024 (tháng 01/2024, tăng 3,92% so với CK). Các biện pháp bình ổn giá trong dịp Tết rất có hiệu quả, giá cả hàng hoá trên địa bàn ổn định; Giá vàng tăng nhẹ so với tháng trước tuy nhiên vẫn tăng rất cao so với CK, giá đô la Mỹ tăng không đáng kể so với tháng trước và tăng nhẹ so với CK.

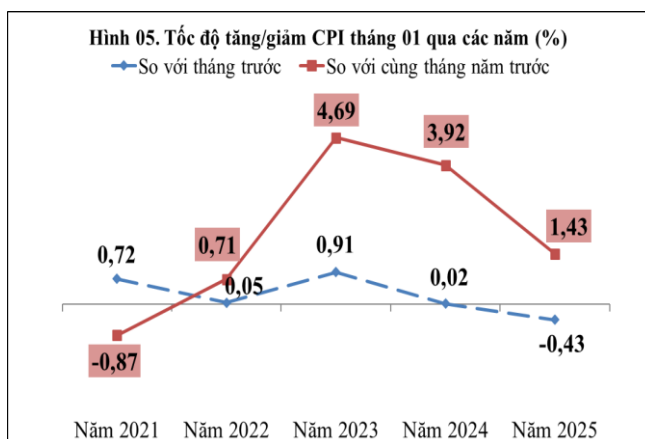
5.2.1 Chỉ số giá tiêu dùng

Tháng 01, CPI tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước, cụ thể là:

- So với tháng trước, CPI tăng nhẹ 0,93%, diễn biến trong các nhóm hàng hóa, dịch vụ như sau:

+ Có 09/11 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng lên, đó là:

(1) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,79%), trong đó lương thực (+0,18%) tập trung ở giá nhóm gạo (+0,44%) do nhu cầu tiêu dùng của nhân dân tăng trong dịp Tết và nhóm thực phẩm (+1,06%) với giá thịt gia súc (+2,49%) trong đó giá thịt lợn (+3,05%), nội tạng động vật



(+2,33%) góp phần vào tăng chung của nhóm; (2) Đồ uống và thuốc lá (+1,36%) chủ yếu do giá các mặt hàng phục vụ Tết Nguyên đán tăng như: nước giải khát có ga (+1,07%), nước quả ép (+1,23%), nước uống tăng lực (+0,46%), rượu các loại (+1,26%), bia các loại (+1,24%), thuốc hút (+1,82%); (3) May mặc, giày dép và mũ nón (+0,32%) chủ yếu do giá hàng may mặc (+0,27%) với quần áo may sẵn (+0,27%), dịch vụ may mặc (+0,42%); (4) Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng nhẹ (+0,09%) do giá nhà ở (+0,33%), vật liệu bảo dưỡng nhà ở (+0,44%), dịch vụ sửa chữa nhà ở (+0,47%) và giá dầu hỏa (+3,28%) do ảnh hưởng của 4 đợt điều chỉnh giá vào các ngày 02, 09, 16 và 23/01/2025; (5) Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,13%) do giá đồ dùng trong nhà (+0,28%); (6) Thuốc và dịch vụ y tế tăng cao (+10,43%) chủ yếu do giá dịch vụ khám sức khoẻ (+13,46%); (7) Giao thông (+0,77%) do giá nhiên liệu trong tháng (+1,91%) và dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại (+3,1%) do nhu cầu tăng cao vào dịp giáp Tết; (8) Giáo dục tăng nhẹ (+0,02%) do giá văn phòng phẩm (+0,19%); (9) Hàng hoá và dịch vụ khác (+0,34%) chủ yếu do giá các dịch vụ về hiếu, hỉ (+0,75%) và giá đồ trang sức (+1%).

+ Ở chiều ngược lại, có 01 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giảm đó là: Văn hoá, giải trí và du lịch chủ yếu do giá nhóm dịch vụ văn hóa với mặt hàng phí truyền hình, internet (-0,61%).

+ Còn lại 01 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số ổn định đó là: Bưu chính viễn thông.

- So với cùng tháng năm trước, CPI tăng 2,81%, tình hình ở các nhóm hàng hóa và dịch vụ như sau:

+ Có tới 09 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số tăng, tăng nhiều có các nhóm: (1) Thuốc và dịch vụ y tế tăng nhiều nhất (+10,55%) nguyên nhân chủ yếu do nhóm dịch vụ y tế (+13,46%) do từ tháng 01/2025 tỉnh áp dụng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 11 tháng 12 năm 2024; (2) Văn hoá, giải trí và du lịch (+7,61%) do giá du lịch trọn gói (+22,58%), trong đó du lịch trong nước (+23,25%) và du lịch nước ngoài (+15,38%); (3) Hàng hoá và dịch vụ khác (+5,59%) do giá bảo hiểm y tế (+30%) và giá lệ phí công chứng (+16,06%); (4) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4,51%) do nhu cầu và các loại chi phí đầu vào tăng, cụ thể: giá nhóm hàng lương thực (+2,55%), thực phẩm (+5,66%), ăn uống ngoài gia đình (+0,73%).

+ Ở chiều ngược lại, có 02 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Giao thông (-0,57%) chủ yếu do giá nhóm nhiên liệu (-5%) trong đó mặt hàng

xăng (-5,23%), dầu diesel (-2,1%) và Bru chính viển thông (-0,05%) do giá máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng (-6,42%) và giá phụ kiện điện thoại và máy tính bảng (-2,09%).

Biểu 05. Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và giá đô la Mỹ

	Tháng 01 so với tháng CK (%)	
	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ số giá tiêu dùng	103,92	102,81
<i>Trong đó:</i> - Lương thực	120,67	102,55
- Thực phẩm	98,83	105,66
Chỉ số giá vàng	118,29	134,30
Chỉ số giá đô la Mỹ	103,63	104,06

5.2.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

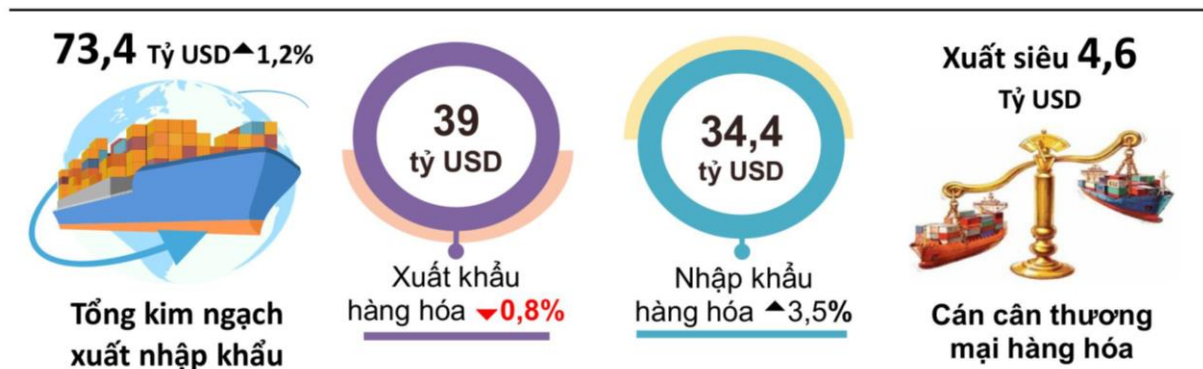
Giá vàng trong nước cũng như trên địa bàn tỉnh tiếp tục đà tăng trưởng, cùng chiều với giá vàng thế giới. Tháng 01, giá vàng bình quân trong tháng bán ra ở mức 8.450.000đ/chi, so với tháng trước tăng 1,09% và tăng rất nhiều 34,3% so với CK.

Giá đô la Mỹ duy trì đà tăng trưởng đã đạt được trong những tháng cuối của năm 2024, tháng 01/2025, biến động tăng nhẹ so với tháng trước. Giá bán đô la Mỹ trong tháng bình quân ở mức 2.553.881VND/100 USD, (+0,21%) so với tháng trước và (+4,06%) so với cùng tháng năm trước.

5.3. Xuất, nhập khẩu hàng hóa⁴

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa: Tháng 12, sơ bộ đạt 6 tỷ USD, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt tăng là: (+5,1%), (+10,9%). Lũy kế cả năm 2024, đạt 73,4 tỷ USD, tăng 1,2% so với CK.

Hình 06. Xuất, nhập khẩu hàng hóa 12 tháng năm 2024



+ Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa: Tháng 12, sơ bộ đạt 3,2 tỷ USD, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+11,4%), (+17,1%). Lũy kế cả năm 2024, đạt 39 tỷ USD, giảm nhẹ 0,8% so với CK, đứng vị trí thứ 2 cả nước (sau TPHCM).

⁴ Nguồn: Website Tổng cục Hải Quan (Số liệu sơ bộ của tháng trước, không có ước tính của tháng báo cáo).

+ Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa: *Tháng 12*, đạt 2,87 tỷ USD giảm nhẹ 1,1% so với tháng trước, tuy nhiên vẫn tăng 4,7% so với cùng tháng năm trước. *Lũy kế cả năm 2024*, nhập khẩu đạt 34,4 tỷ USD, tăng 3,5% so với CK, duy trì vị trí thứ 3 cả nước (sau TPHCM và Hà Nội).

Cán cân thương mại hàng hóa: *Tháng 12*, do xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu, nên đã xuất siêu 0,3 tỷ USD, bằng 9,3% kim ngạch xuất khẩu. *Lũy kế cả năm 2024*, xuất siêu 4,6 tỷ USD, bằng 11,8% kim ngạch xuất khẩu.

6. Giao thông vận tải

Tháng 01, sản lượng và doanh thu cả 3 ngành vận tải đều có chỉ số tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước, trong đó doanh thu vận tải hàng hóa tăng cao nhất 7,3%, tiếp đến là doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 7%, doanh thu vận tải hành khách tăng thấp nhất 5,4%.

6.1. Sản lượng vận tải

6.1.1. Vận tải hành khách

Tháng 01, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 1.882,8 nghìn lượt khách, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+1,8%), (+3,5%); tương ứng khối lượng hành khách luân chuyển ước đạt 69,7 triệu lượt khách.km, so với 2 góc lần lượt là (+3,6%), (+4,9%). Xét theo ngành vận tải:

- Vận tải hành khách đường bộ, khối lượng vận chuyển ước đạt 1.872,8 nghìn lượt khách, so với 2 góc so sánh lần lượt là (+1,8%), (+3,8%); khối lượng luân chuyển ước đạt 69,7 triệu lượt khách.km, so với 2 góc lần lượt là (+3,6%), (+4,9%).

- Vận tải hành khách đường thủy, khối lượng vận chuyển ước đạt 10 nghìn lượt khách, so với 2 góc lần lượt là (+4,8%), (+2,3%); khối lượng luân chuyển ước đạt 0,01 triệu lượt khách.km, so với 2 góc lần lượt là (+3,3%), (+2,4%).

**Biểu 06. Vận tải hành khách tháng 01 năm 2025
phân theo ngành vận tải**

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	1.882,8	69,7	+3,5	+4,9
Đường bộ	1.872,8	69,7	+3,8	+4,9
Đường thủy	10,0	0,01	+3,3	+2,4

6.1.2. Vận tải hàng hóa

Tháng 01, khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 4,2 triệu tấn, tăng ở cả 2 góc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+1,3%),

(+4,9%); tương ứng khối lượng luân chuyển ước đạt 226,4 triệu tấn.km (+1%), (+5,1%). Xét theo ngành vận tải:

- Vận tải hàng hóa đường bộ, khối lượng vận chuyển ước đạt 3,1 triệu tấn, tăng ở cả 2 gốc so sánh (+1,6%), (+4,2%); tương ứng khối lượng luân chuyển ước đạt 83,8 triệu tấn.km, tăng ở cả 2 gốc so sánh (+1%), (+4,8%).

- Vận tải hàng hóa đường thủy, khối lượng vận chuyển ước đạt 1,1 triệu tấn, tăng ở cả 2 gốc so sánh (+0,6%), (+6,8%); tương ứng khối lượng luân chuyển ước đạt 142,6 triệu tấn.km, tăng ở cả 2 gốc so sánh (+0,9%), (+5,3%).

Biểu 07. Vận tải hàng hóa tháng 01 năm 2025 phân theo ngành vận tải

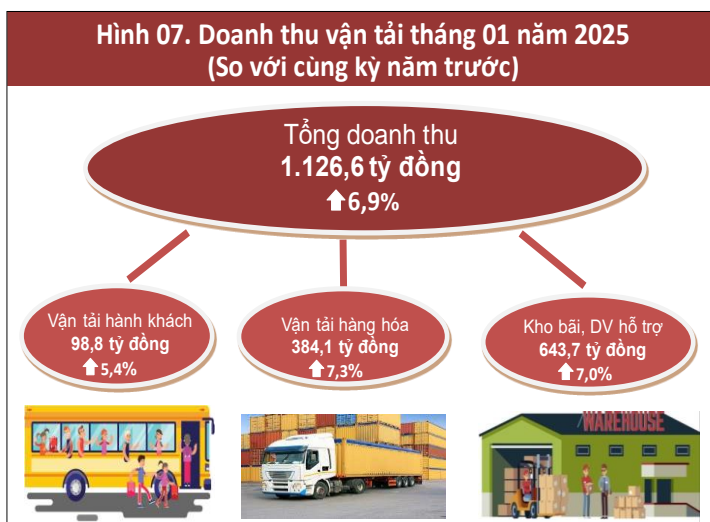
	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Triệu tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	4,2	226,4	+4,9	+5,1
Đường bộ	3,1	83,8	+4,2	+4,8
Đường thủy	1,1	142,6	+6,8	+5,3

6.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tháng 01, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.126,6 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+4,9%), (+6,9%). Cụ thể như sau:

- Xét theo ngành vận tải: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 98,8 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh (+5,8%), (+5,4%); doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 384,1 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh (+3,6%), (+7,3%); doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 643,7 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh (+5,6%), (+7%).

- Xét theo loại hình kinh tế: Doanh nghiệp Nhà nước ước đạt 25 tỷ đồng (+4,4%), (-8,4%); doanh nghiệp ngoài Nhà nước ước đạt 532,4 tỷ đồng (+4,2%), (+6,8%); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 569,2 tỷ đồng (+5,7%), (+7,8%).



7. Thu, chi ngân sách Nhà nước (NSNN)⁵

Tiến độ thu ngân sách Nhà nước tháng 01/2025 đạt khá 18,7% so với dự toán và tăng khá cao 16,3% so với CK, chủ yếu do tập trung thu nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài. Về chi ngân sách nhà nước địa phương ước đạt 8,1% dự toán, tăng rất cao 93% so với CK, trong đó chi đầu tư phát triển, tăng 111,3%, nhằm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công thúc đẩy tăng trưởng; chi thường xuyên, tăng 84,2% tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, tiền lương, trợ cấp xã hội cho các đối tượng, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội,...

Hình 08. Thu, chi ngân sách nhà nước tháng 01 năm 2025



Nguồn: Sở Tài chính

7.1. Thu ngân sách Nhà nước

Tháng 01, tổng thu NSNN ước đạt 7.233 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (+66,7%), (+16,3%), trong đó: Thu nội địa ước đạt 6.513 tỷ đồng (+218,8%), (+17,7%); thu từ hải quan ước đạt 720 tỷ đồng (+7,5%), (+4,9%). Trong thu nội địa, các khoản thu có mức tăng cao so với CK như: Thu từ DN có vốn ĐTTTNN (+22,6%); Thu thuế ngoài nhà nước (+17%); Thu thuế thu nhập cá nhân (+7,2%) và thu lệ phí trước bạ (+16,3%). Tổng thu ngân sách địa phương ước đạt 4.655,2 tỷ đồng, (+206,9%) và (+17,8%).

7.2. Chi ngân sách địa phương

Tháng 01, tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 1.795 tỷ đồng, so với các gốc so sánh tháng trước và cùng tháng năm trước lần lượt là (-56%), (+93%), trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 650 tỷ đồng (-65,5%), (+111,3%); chi thường xuyên ước đạt 1.145 tỷ đồng (-47,9%), (+84,2%). Các nhiệm vụ chi trong tháng vẫn được thực hiện theo dự toán, đáp ứng yêu cầu

⁵ Nguồn: Sở Tài chính

phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, quản lý nhà nước và an sinh xã hội. Trong chi thường xuyên, tất cả các khoản chi đều có mức tăng so với cùng tháng năm trước, một số khoản chi có mức tăng cao như: Chi các hoạt động kinh tế (+725,4%); Chi khoa học và công nghệ (+392%); Chi y tế, dân số và gia đình (+264,5%); Chi an ninh (+252,9%).

8. Ngân hàng - Tín dụng⁶

Tháng 01, tổng dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì mức tăng cao 21% so với cùng tháng năm trước và tăng nhẹ 1% so với tháng trước. Đối với tổng nguồn vốn huy động tăng nhẹ ở cả 2 gốc so sánh lần lượt là 1% so với tháng trước và 1,7% so với cùng tháng năm trước. Nợ xấu và tỷ lệ nợ giữ ổn định và tương đương với CK.

Trong tháng, các chi nhánh ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm thu hút nguồn vốn nhân rộng trong nền kinh tế với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Ước tính đến cuối tháng 01, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 226.000 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 1,7% so với cùng thời điểm tháng cùng kỳ, trong đó: Tiền gửi cá nhân ước đạt 145.000 tỷ đồng, tăng ở cả 2 gốc so sánh cùng thời điểm tháng trước và cùng thời điểm tháng cùng kỳ lần lượt là (+2,4%), (+15,6%); Tiền gửi của các tổ chức ước đạt 74.100 tỷ đồng, so với 2 gốc so sánh là (-1,5%), (-18,1%); Nguồn vốn huy động khác ước đạt 5.000 tỷ đồng so với 2 gốc so sánh là (+0,3%), (+13,6%); Phát hành giấy tờ có giá ước đạt 1.900 tỷ đồng so với 2 gốc so sánh là (+0,5%), (-5%).

Cũng trong tháng 01, trên cơ sở định hướng mức tăng trưởng tín dụng toàn ngành ngân hàng khoảng 16%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế, NHNN tỉnh đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn quyết liệt thực hiện các giải pháp để tăng trưởng tín dụng, tăng khả năng tiếp cận tín dụng,...nhằm góp phần nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng, hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động tín. Tính đến cuối tháng 01, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh ước đạt 176.500 tỷ đồng, giảm 9,5% so với cùng thời điểm tháng trước nhưng tăng 9% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 145.000 tỷ đồng (+0,2%), (+24,4%); Dư nợ cho vay trung và dài hạn ước đạt 31.500 tỷ đồng (-37,5%), (-30,5%).

Với mức chênh lệch cao giữa nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay khoảng gần 50.000 tỷ đồng đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng của doanh nghiệp, người dân trên địa bàn. Kết quả trên cho thấy sự quyết tâm, nỗ

⁶ Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh

lực rất lớn của các chi nhánh NHTM, TCTD trên địa bàn, góp phần hỗ trợ tích cực vốn tín dụng cho doanh nghiệp và người dân vay vốn khắc phục khó khăn, tiếp tục sản xuất kinh doanh và phát triển mở rộng sản xuất.

Về chất lượng tín dụng: Các chi nhánh ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Hội sở chính trong triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, thu hồi, cũng như ngăn ngừa rủi ro nợ xấu. *Ước tính đến hết 31/01/2025*, nợ xấu trên địa bàn là 1.200 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,68% tổng dư nợ cho vay.

9. Một số vấn đề xã hội

9.1. Lao động, giải quyết việc làm, an sinh xã hội⁷

Lao động và giải quyết việc làm: trong tháng, các ngành chức năng tập trung trong việc hỗ trợ, tạo việc làm cho người lao động như: Tư vấn giới thiệu việc làm, chính sách lao động; hướng dẫn người lao động hoàn thiện các thủ tục xuất, nhập cảnh,... Đồng thời, Tết Nguyên đán đã cận kề, các địa phương trong tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ công nhân, người lao động, người có hoàn cảnh khó khăn được đón Tết, góp phần chia sẻ cùng người lao động gặp khó khăn ổn định cuộc sống, vui Xuân, đón Tết Nguyên đán.

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội, được đảm bảo đặc biệt trong dịp Tết; ngành LĐTB&XH đã thực hiện kịp thời việc chi trả trợ cấp cho các đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội theo đúng quy định hiện hành. Tập trung rà soát, nắm tình hình đời sống của các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng (thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, cán bộ lão thành cách mạng, mẹ Việt Nam anh hùng...), người có hoàn cảnh khó khăn (người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt,...), công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp,... quan tâm, chăm lo, kịp thời hỗ trợ phù hợp hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ theo quy định trong dịp Tết. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà, bảo đảm tất cả các đối tượng chính sách đều có quà và được nhận quà trước Tết. Vận động các tổ chức, cá nhân và bố trí ngân sách địa phương chăm lo Tết cho đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, bảo đảm ai cũng có Tết, vui tươi, lành mạnh và tiết kiệm.

9.2. Hoạt động y tế, phòng, chống dịch bệnh⁸, ngộ độc thực phẩm

Trong tháng, ngành y tế tiếp tục chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tăng cường công tác phòng, chống các dịch bệnh mùa Đông - Xuân, bệnh lây truyền

⁷ Nguồn số liệu báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

qua đường hô hấp, tiêu hoá, cúm A; theo dõi diễn biến bệnh sởi và một số dịch bệnh truyền nhiễm khác. Đảm bảo công tác y tế, phòng chống dịch bệnh trong dịp Tết Nguyên đán Ất Ty 2025.

Công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm gây dịch: *Trong tháng*, ghi nhận 34 trường hợp sốt xuất huyết Dengue, 159 trường hợp mắc cúm (cúm mùa- hội chứng cúm), 13 trường hợp mắc tay chân miệng, 35 trường hợp mắc sốt phát ban nghi Sởi/Rubella, 01 trường hợp ho gà.

Công tác tiêm chủng mở rộng: Tổng số trẻ dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ trong kỳ là 1.408 trẻ, số phụ nữ mang thai được tiêm đủ mũi uốn ván là 1.518 người.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: *Trong tháng*, đã thực hiện tư vấn xét nghiệm HIV cho 4.231 người (với số phát hiện dương tính mới là 03 người), trong đó số phụ nữ mang thai được tư vấn, xét nghiệm sàng lọc HIV là 1.812 người. *Cũng trong tháng*, phát hiện 01 trường hợp HIV dương tính mới tại TX Thuận Thành và 02 trường hợp tử vong (Yên Phong 01, TP Bắc Ninh 01). Tổng số người nhiễm HIV/AIDS hiện quản lý được trên địa bàn tỉnh là 940 người; Số người nhiễm HIV có thể bảo hiểm y tế là 886 người (94,3%); Số mắc AIDS là 46 người, số được quản lý là 15 người. Tình hình điều trị Methadone, có 564 bệnh nhân đang điều trị, trong đó: 02 bệnh nhân mới, 29 bệnh nhân chuyển đến, 46 bệnh nhân chuyển đi, 12 bệnh nhân bỏ điều trị. Tình hình điều trị ARV, có 952 bệnh nhân đang điều trị, trong đó số trẻ em <15 tuổi là 08 bệnh nhân.

Công tác dân số - KHHGD, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em: Thực hiện tốt sàng lọc trước sinh và sơ sinh, từng bước kiểm soát hiệu quả mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng và cơ cấu dân số; Duy trì công tác quản lý thai nghén tại tuyến cơ sở, đảm bảo 100% phụ nữ mang thai được khám thai định kỳ. Công tác cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, KHHGD đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người dân.

Tình hình hoạt động khám chữa bệnh y tế công lập như sau: Tổng số lượt khám bệnh, chữa bệnh: 183.015 lượt, trong đó số lượt khám chữa bệnh tại Trạm Y tế 38.755 lượt; Điều trị nội trú 19.340 lượt; Tổng số ca phẫu thuật: 2.752 ca, trong đó phẫu thuật có chuẩn bị: 1.389 ca. Tổng số chuyển tuyến 3.408 ca, trong đó chuyển tuyến nội trú 454 ca, chuyển tuyến ngoại trú 2.954 ca.

⁸ Nguồn: Sở Y tế

- *Công tác an toàn thực phẩm*⁹: Trong tháng, trên địa bàn toàn tỉnh không xảy ra ngộ độc thực phẩm nào. Ngành chức năng đã tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

9.3. Giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ

*9.3.1. Giáo dục và đào tạo*¹⁰

Thời điểm này, các trường phổ thông đã hoàn thành việc kiểm tra, đánh giá kiến thức học sinh cuối học kỳ 1 của năm học 2024-2025. Do công tác chuẩn bị các điều kiện cho kiểm tra cuối học kỳ 1 được thực hiện tốt nên kỳ thi diễn ra đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đạt kết quả tốt. Triển khai thực hiện chương trình học kỳ 2 năm học 2024-2025. Đẩy mạnh bồi dưỡng các đội tuyển học sinh giỏi và tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2024-2025.

*9.3.2. Hoạt động khoa học và công nghệ*¹¹ (KH&CN)

Trong tháng, Sở KH&CN của tỉnh đã tham mưu, trình UBND tỉnh Dự thảo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, nghiệm thu các đề tài, dự án KH&CN trên địa bàn tỉnh. Triển khai có hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, trong tháng đã thẩm định và cấp 09 giấy phép tiến hành công việc bức xạ, 02 chứng chỉ nhân viên bức xạ, 03 giấy xác nhận khai báo thiết bị bức xạ; thẩm định, xác định công nghệ đối với 03 dự án đầu tư; 03 hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; tiếp nhận và giải quyết 55 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu; thẩm định, đánh giá tại chỗ 01 Công ty đề nghị tặng Giải Vàng chất lượng Quốc gia năm 2024; thực hiện kiểm định 45 phương tiện đo, kiểm nghiệm 01 mẫu sản phẩm; đã tiến hành kiểm tra đột xuất 01 cơ sở sử dụng thiết bị X-quang trong y tế, ...Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ được duy trì và cập nhật thường xuyên nhằm tuyên truyền, phổ biến các kiến thức về khoa học công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới phục vụ sản xuất và đời sống, trong tháng đã đăng tải 128 tin, bài, chuyên mục với nhiều nội dung thông tin phong phú, tiếp tục đứng thứ 01/21 về kết quả đánh giá, chấm điểm mức độ cập nhật thông tin trên các Cổng TTĐT hàng tháng, Cổng TTĐT.

⁹ Nguồn: Ban quản lý an toàn thực phẩm tỉnh

¹⁰ Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo;

¹¹ Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ;

9.4. Văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình¹²

9.4.1. Hoạt động văn hóa

Trong tháng, ngành chức năng đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị thường xuyên và đột xuất, với nhiều hình thức: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền Kỷ niệm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12), Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12) và Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12); tuyên truyền mừng 95 năm ngày thành lập Đảng (03/02/1930-03/02/2025), mừng xuân Ất Ty - 2025; tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước,...

Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh, tiếp tục thực hiện ký âm các bài Quan họ cổ đã sưu tầm và truyền dạy; sưu tầm các tư liệu, hiện vật về văn hóa Quan họ và Nhà hát Dân ca Quan họ để phục vụ trưng bày tại sảnh Nhà hát. Trong tháng đơn vị đã biểu diễn 10 buổi, phục vụ nhiệm vụ chính trị 07 buổi không doanh thu, doanh thu 03 buổi.

Trung tâm Văn hóa tỉnh, tổ chức chương trình nghệ thuật “Chào năm mới 2025” tại Quảng trường Trung tâm Văn hóa Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh vào tối ngày 31/12/2024 Chào mừng kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025-2030; “Mừng Đảng quang vinh - Mừng xuân Ất Ty 2025”. Chương trình được tường thuật trực tiếp trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Ninh,...Khai thác nguồn phim và tổ chức hoạt động chiếu phim: Tuyên truyền kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944-22/12/2024) và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989-22/12/2024); tuyên truyền an toàn giao thông “Thượng tôn pháp luật” tại các trường học trên địa bàn toàn tỉnh. Trong tháng thực hiện được 25 buổi chiếu phim lưu động phục vụ các nhiệm vụ chính trị không doanh thu.

Thư viện tỉnh, thực hiện số hóa Thư mục bài trích báo, tạp chí tháng 12/2024, tháng 01/2025; nói chuyện chuyên đề với chủ đề “Tiếp bước cha anh, xứng danh bộ đội cụ Hồ” Chào mừng kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 tại trường THCS Tiên An với sự tham gia của trên 1.200 học sinh và giáo viên trường THCS Tiên An. Ban hành kế hoạch và chuẩn bị tổ chức Trưng bày sách, báo Xuân Ất Ty 2025. Thực hiện cấp đổi: 273 thẻ, tổng số thẻ đang phục vụ: 9.221 thẻ; phục vụ 1.744 lượt bạn đọc; luân chuyển 8.940 lượt sách, báo, tạp chí các loại. Giới thiệu sách theo chủ đề trong chuyên

¹² Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và Du lịch.

mục “Mỗi tuần một cuốn sách”: 04 cuốn; cập nhật giới thiệu sách mới: 45 tên sách; đăng tải 01 video giới thiệu sách trong chuyên mục “Đọc sách cùng tôi” trên Website, Fanpage, Youtube Thư viện.

Bảo tàng tỉnh, Bảo tàng tỉnh đón tiếp, thuyết minh cho 3.579 lượt khách tham quan trưng bày chuyên đề “Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bắc Ninh trong lịch sử cách mạng Việt Nam”. Hoàn thiện kế hoạch, thanh quyết toán mua 05 hiện vật được Hội đồng thẩm định mua hiện vật Bảo tàng công lập tỉnh Bắc Ninh; mượn bổ sung tài liệu, hiện vật phục vụ trưng bày chuyên đề “Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bắc Ninh trong lịch sử cách mạng Việt Nam”. Hoàn thành kế hoạch phiên bản 3D hiện vật; nghiên cứu, sưu tầm tư liệu gốc làm cơ sở phục dựng hoàn thiện bảo vật quốc gia bộ mộc bản sách Hải Thượng y tông tâm lĩnh. Trong tháng, nhập thông tin 40 hồ sơ hiện vật vào phần mềm quản lý hiện vật của Cục Di sản văn hóa.

Công tác bảo tồn di tích và xúc tiến du lịch, tiếp tục hoàn thiện công tác khảo sát và lập phiếu kiểm kê di tích. Lập hồ sơ nâng cấp di tích Quốc gia đặc biệt và hồ sơ di tích xếp hạng Quốc gia...Thẩm tra phương án tu bổ, tôn tạo các di tích; Trong tháng, đón tiếp, thuyết minh khoảng 12.950 lượt khách. Trưng bày gian hàng tranh Đông Hồ tại Nhà hát Quan họ Bắc Ninh. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia trưng bày, giới thiệu văn hóa ẩm thực, sản phẩm đặc trưng của vùng, miền tại Lễ hội văn hóa Ẩm thực Hà Nội năm 2024; Liên hoan du lịch- Ẩm thực Quảng Ninh năm 2024.

9.4.2. Thể dục thể thao

Thành lập các đội tuyển tham gia thi đấu các giải quốc gia, quốc tế, cụ thể: Tham gia thi đấu Giải vô địch thể giới Pencak Silat năm 2024 và Giải vô địch thể giới Pencak Silat trẻ năm 2024 tại Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất (UAE), từ 15/12/2024-23/12/2024; Tham gia thi đấu Giải vô địch Cử tạ thanh thiếu niên và trẻ Châu Á năm 2024 tại Nhà nước Ca-ta, từ 16/12-26/12/2024 và giành được 08 Huy chương các loại, trong đó: 01 HCV, 06 HCB và 01 HCD.

9.4.3. Phát thanh truyền hình

Trong tháng 01/2025, Đài Phát thanh & Truyền hình Bắc Ninh đã thực hiện:

- Phát thanh: Sản xuất và phát sóng 93 chương trình thời sự tổng hợp; 389 chương trình chuyên đề, chuyên mục, 150 chương trình văn nghệ, ca nhạc; Phát sóng 511,5 giờ, chất lượng tốt.

- Truyền hình: Sản xuất và phát sóng 186 chương trình thời sự tổng hợp; 93 chương trình tạp chí, chuyên mục, chuyên đề; 77 chương trình văn nghệ; 77

chương trình thể thao; 31 chương trình dành cho thiếu nhi. Phát sóng 744 giờ, chất lượng tốt.

- Thông tin điện tử: Upload 62 chương trình truyền hình, 31 chương trình phát thanh, 31 các chương trình sân chơi, tạp chí, chuyên mục; Tổng số lượt người truy cập trong tháng 51.900 lượt.

9.5. An ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông

9.5.1. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

*Công tác quân sự*¹³: Các đơn vị quân đội, duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, trực phòng không, xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật, canh gác bảo đảm an toàn (nhất là dịp Lễ Noel và Tết Dương lịch). Tổ chức hội nghị hiệp đồng giao nhận công dân nhập ngũ, động viên huấn luyện QNDB và đón nhận quân nhân xuất ngũ với các đơn vị. Bảo đảm tốt công tác Hậu cần, Kỹ thuật cho các nhiệm vụ; bảo đảm đầy đủ xăng dầu vận tải theo kế hoạch. Cơ quan, đơn vị bảo đảm an toàn VKTB, kho tàng và an toàn giao thông.

*Công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội*¹⁴: Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục ổn định. Lực lượng Công an tỉnh đã chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở. Cụ thể tình hình như sau:

(1) Về tội phạm trật tự xã hội: *Tháng 01*, xảy ra 97 vụ phạm tội về TTXH (giảm 11 vụ so với tháng trước), trong đó:

+ Phạm pháp hình sự, xảy ra 48 vụ (giảm 56 vụ so với tháng trước), làm 01 người chết, 07 người bị thương; tài sản thiệt hại khoảng 8,34 tỷ đồng, điều tra làm rõ 92/97 vụ phạm tội về TTXH, 176 đối tượng, đạt tỷ lệ điều tra 94,8%.

+ Cờ bạc: Phát hiện, bắt giữ 39 vụ, 130 đối tượng (tăng 34 vụ), thu giữ 207 triệu đồng, làm rõ số tiền các đối tượng giao dịch khoảng 2,73 tỷ đồng; lập hồ sơ khởi tố 39 vụ, 119 đối tượng.

+ Mại dâm: Phát hiện, bắt giữ, khởi tố 10 vụ, 27 đối tượng (tăng 10 vụ).

(2) Tội phạm về kinh tế tham nhũng, buôn lậu: *Tháng 01*, Phát hiện, xử lý mới 107 vụ việc, 116 đối tượng về tham nhũng, kinh tế; lập hồ sơ khởi tố 28 vụ, 35 bị can (trong đó 03 vụ, 07 bị can về tham nhũng, chức vụ); xử lý hành chính 68 vụ, 70 đối tượng, số tiền phạt 1,1 tỷ đồng, kiến nghị xử lý 01 vụ, 01 đối tượng; đang tiếp tục xác minh 10 vụ, 10 đối tượng.

(3) Tội phạm về ma túy: *Tháng 01*, phát hiện, bắt giữ 184 vụ, 239 đối tượng mua bán, vận chuyển, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; thu

¹³ Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh

¹⁴ Nguồn: Công an tỉnh Bắc Ninh

giữ 103,09g heroin, 735,23g ma túy tổng hợp. Khởi tố 147 vụ, 205 đối tượng, còn lại lập hồ sơ xử lý hành chính. Toàn tỉnh hiện có 709 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý, tăng 66 người so với tháng trước.

9.5.2. Tình hình an toàn giao thông: Tháng 01, xảy ra 25 vụ tai nạn giao thông, làm chết 09 người, 17 người bị thương, so với tháng trước, giảm 25 vụ (tức giảm 50%), giảm 12 người chết (tức giảm 57,1%), giảm 09 người bị thương (tức giảm 34,6%). Tổ chức lắp đặt 528 biển thông báo về mức phạt tiền khi phương tiện vượt đèn đỏ tại 126 nút giao có đèn tín hiệu giao thông. Xử phạt 6.057 trường hợp, số tiền phạt trên 16,2 tỷ đồng, tước giấy phép lái xe 1.639 trường hợp.

9.6. Phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường¹⁵

9.6.1. Công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ:

Tháng 01, xảy ra 10 vụ cháy (tăng 02 vụ so với tháng trước), thiệt hại về tài sản khoảng 285 triệu đồng. Không xảy ra nổ. Kiểm tra, xử lý 164 lượt cơ sở, kiến nghị khắc phục 69 tồn tại, thiếu sót về PCCC, xử phạt 26 cơ sở, số tiền phạt gần 1,23 tỷ đồng.

9.6.2. Công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm:

Tháng 01, phát hiện 99 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm. Làm rõ khởi tố 01 vụ, 01 bị can về tội Gây ô nhiễm môi trường, xử phạt hành chính 74 vụ, 75 đối tượng, số tiền phạt 739,1 triệu đồng; đang xác minh làm rõ 24 vụ. Ngoài ra, làm rõ 01 vụ từ tháng trước; xử phạt vi phạm hành chính 02 đối tượng, số tiền 45 triệu đồng.

Khái quát lại:

Mặc dù kinh tế của tỉnh năm 2024 ghi nhận khá tích cực (GRDP tăng 6,03% vượt mục tiêu đề ra 5-6%), song đang tồn tại những vấn đề thiếu bền vững: Xuất khẩu giảm 0,77% sau nhiều năm; Chỉ số IIP tăng thấp xếp thứ 52 cả nước và xếp thứ 10 vùng ĐBSH; chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp năm 2024 giảm 5,18% so với CK; Vốn đầu tư thực hiện khu vực ngoài nhà nước giảm khá nhiều 12,6%; cùng với đó vốn đầu tư Nhà nước giảm 9,1% so với CK, trong đó vốn ngân sách nhà nước mặc dù tăng nhẹ 0,4% so với CK, tuy nhiên tỷ lệ giải ngân đạt thấp, mới đạt 64% kế hoạch vốn năm 2024; Ngoài ra, tình hình cháy nổ tăng khá nhiều so với cùng kỳ cũng phần nào làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh.

¹⁵ Nguồn: Công an tỉnh Bắc Ninh

Bước sang năm 2025, các tổ chức thế giới đánh giá, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối diện rủi ro vì tình hình địa chính trị vẫn phức tạp, cả nợ công, nợ tư còn khá cao cùng với những bất ổn về an ninh lương thực, an ninh năng lượng,... Các tổ chức quốc tế nhận định kinh tế toàn cầu năm 2025, chỉ tăng khoảng 3,2%.

Bắc Ninh, với đặc thù nền kinh tế có độ mở cao (kim ngạch xuất khẩu gấp hơn 4 lần quy mô GRDP), sẽ chịu ảnh hưởng tiêu cực từ những bất lợi của thế giới kể trên. Trước đó, HĐND tỉnh giao chỉ tiêu tăng trưởng GRDP năm 2025 là 8%. Mới đây, theo Công điện số 137/CĐ-TTg ngày 20/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh phấn đấu tăng trưởng GRDP cao hơn, tăng trưởng từ 8-10%, với mục tiêu này năm 2025 là rất thách thức trong bối cảnh hiện nay. Tuy nhiên, để có thể đạt được mục tiêu đề ra chúng ta cần hết sức nỗ lực, trong đó cần quan tâm đến 3 động lực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đó là:

- Đầu tư công cần làm tốt vì đây là “vốn môi” của nền kinh tế; đầu tư khu vực tư nhân còn thấp, cần phải lấy lại niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp thông qua việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Cần nỗ lực để đưa đầu tư tư nhân của tỉnh tăng ở mức trên 10% mỗi năm.

- Tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh triển khai đa dạng, linh hoạt các hình thức xúc tiến thương mại nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu mới, tập trung khai thác, vận dụng và phát huy có hiệu quả, thực chất các Hiệp định thương mại tự do.

- Tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan, địa phương triển khai cung ứng kết nối tiêu thụ các sản phẩm vào các chợ truyền thống và kênh phân phối các siêu thị, cửa hàng an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp lớn và các khu công nghiệp trên địa bàn,... Xây dựng các chương trình xúc tiến thương mại để hỗ trợ doanh nghiệp, HTX trong tỉnh tìm kiếm, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất. Hỗ trợ, định hướng các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm của tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm, phát triển thương hiệu./.

Nơi nhận:

- Vụ TKTH - TCTK (báo cáo);
- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh (báo cáo);
- VP tỉnh uỷ, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính;
- NHNN tỉnh;
- Phòng ANKT (CA tỉnh);
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- LĐ Cục, các phòng thuộc CQ Cục;
- CCTK các H, TX, TP;
- Lưu: VT, TKTH.

Q. CỤC TRƯỞNG

Khổng Văn Thắng